

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 239/2022/HS-ST

Ngày: 27 - 5 - 2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Minh Châu

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phạm Văn Thanh

2. Bà Võ Thị Nam

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Lý Lê Trọng Nghĩa - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:***  
Bà Lê Thị Yến Như - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 165/2022/TLST-HS ngày 14/3/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1839/2022/QĐXXST-HS ngày 11/5/2022 đối với các bị cáo:

**1. Nguyễn Ngọc D;** sinh ngày 01/4/1990; tại tỉnh T; hộ khẩu thường trú: Ấp G, xã L, thị xã C, tỉnh T; chỗ ở: đường N, phường B, quận T, thành phố H; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Ngọc H1 và bà Dương Thị R; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 26/6/2020; có mặt.

**2. Bùi Vĩnh L1,** sinh ngày 04/11/1990; tại tỉnh L; hộ khẩu thường trú: đường E, ấp C, xã T, huyện C, thành phố H; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Đức T1 và bà Nguyễn Thị T2; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Tại Bản án số 55/2020/HS-ST ngày 09/4/2020 của Tòa án nhân dân huyện M, thành phố H đã xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 07/9/2020; có mặt.

**3. Nguyễn Ngọc L2** (tên gọi khác: X); sinh ngày 27/6/1993; tại tỉnh Q; hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã H, huyện L, tỉnh Q; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Đ và bà Lê Thị D2; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Tại Bản án số 155/2020/HS-ST ngày 26/6/2020 của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức đã xử phạt 01 năm tù về tội “Hủy hoại tài sản”;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 20/01/2021; có mặt

4. **Hoàng Anh V**; Sinh ngày: 01/3/1990; tại tỉnh L; hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn H, xã M, huyện Đ, tỉnh L; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn K và bà Nguyễn Thị Y; có vợ và 01 con sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Tại Bản án số 53/2016/HS-ST ngày 14/3/2016 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh B đã xử phạt 06 tháng tù, về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” (đã xóa án tích).

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 27/6/2020; có mặt

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Ngọc L2*: Luật sư Lâm Hiền Phước và Luật sư Nguyễn Văn Ân - Công ty Luật TNHH MTV Phước Tín, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

- *Nguyên đơn dân sự*:

1. Ông Trần Xuân Đ1, sinh năm 1974.

Địa chỉ: đường T, phường B, quận T, thành phố H; có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Ông Lê Ngọc C; sinh năm 1990.

Địa chỉ: đường P, phường C, quận T, thành phố H; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Ông Nguyễn Ngọc Q, sinh năm 1995.

Địa chỉ: đường P, phường T, quận P, thành phố H; vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Thị Diễm P1, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện G, tỉnh T; vắng mặt.

3. Ông Võ Minh P2, sinh năm 1994.

Địa chỉ: ấp Đ, xã T, huyện M, thành phố H; vắng mặt.

4. Ông Trần Bảo D1, sinh năm 1983.

Địa chỉ: đường L, phường A, quận T, thành phố H; vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 20 giờ 30 phút ngày 27/7/2017, tại trước địa chỉ số 567 Hương Lộ 2, phường Bình Trị Đông A, quận Bình Tân, Phòng Cảnh sát hình sự - Công an Thành phố Hồ Chí Minh phát hiện Trần Bảo D1 và Phan Mai Hữu S điều khiển xe mô tô Honda Airblade, biển số 60B7-160.27, giấy chứng nhận đăng ký số 017700 mang tên “Nguyễn

Văn Hải” nên kiểm tra và thu giữ. Qua giám định, chiếc xe trên có số khung, số máy là nguyên thủy, không thay đổi. Chiếc xe bị thu giữ có biển số thật là 59K1-666.17, do anh Quách Đăng N chủ sở hữu, bị mất trộm vào ngày 19/7/2017 tại Phường 8, Quận 6.

Kết luận định giá tài sản số 9467/STC-HĐĐGTS-BVG ngày 30/11/2017, của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Thành phố Hồ Chí Minh: chiếc xe mô tô trị giá 33.092.000 đồng.

Kết luận giám định số 1181/KLGD-TT ngày 18/8/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an Thành phố Hồ Chí Minh: “Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy” số 017700 mang tên Nguyễn Văn Hải là giả.

Căn cứ lời khai của Trần Bảo D1 và Phan Mai Hữu S, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an Thành phố Hồ Chí Minh triệu tập Hoàng Anh V, Bùi Vĩnh L1, Nguyễn Ngọc D, Nguyễn Ngọc L2, Nguyễn Chí H, Nguyễn Ngọc Q để làm rõ.

Cơ quan điều tra xác định: Sáng ngày 21/7/2017, Hoàng Anh V sử dụng tài khoản Facebook “Đời đổi thay” lên mạng internet vào Fanpage “Xe không giấy NOPP” thấy tài khoản Facebook thành viên (không rõ tên tài khoản) đăng chào bán xe mô tô Honda AirBlade 125cc, màu vàng đồng, biển số 59K1-666.17 giá 10.000.000 đồng và kèm theo số điện thoại (Hoàng Anh V không nhớ số). Hoàng Anh V sử dụng số điện thoại 0938.013.326 liên hệ với đối tượng tên “Nô” là người chào bán xe để thương lượng giá nhưng “Nô” không bớt. Sau đó, Hoàng Anh V gọi điện thoại cho Bùi Vĩnh L1 để bàn bạc với Bùi Vĩnh L1 mua xe trên, Bùi Vĩnh L1 đồng ý. Khoảng 18 giờ cùng ngày, Hoàng Anh V đi xe mô tô Honda Wave biển số 61Z1-5020, Bùi Vĩnh L1 đi xe mô tô Honda SH biển số 60Z3-9686 chở 01 người đàn ông tên M (chưa rõ lai lịch) gặp Nô để mua xe. Sau khi mua xe, Bùi Vĩnh L1 đưa xe cho M đem gửi tại chung cư Phúc Yên 1 (địa chỉ: 31-33 Phan Huy Ích, Phường 15, quận Tân Bình). Sau khi gửi xe, M đưa phiếu giữ xe cho Bùi Vĩnh L1 giữ. Khoảng 20 giờ cùng ngày, Bùi Vĩnh L1 chào bán xe Honda Airblade cho Nguyễn Ngọc D 12.000.000 đồng, Nguyễn Ngọc D đồng ý. Sáng hôm sau, Bùi Vĩnh L1 đưa cho Hoàng Anh V 500.000 đồng tiền công môi giới.

Sau khi mua chiếc xe mô tô Honda AirBlade biển số 59K1-666.17, Nguyễn Ngọc D đem xe đến tiệm sửa xe P do anh Mai Văn T3 làm chủ tiệm để thay ổ khóa. Sau đó, Nguyễn Ngọc D chạy chiếc xe trên đến tiệm dán keo xe TP lột keo xe và Nguyễn Ngọc D tự thay biển số 60B7-160.27 vào chiếc xe này rồi bỏ biển số 59K1-666.17 vào sọt rác của tiệm dán keo xe TP.

Khoảng 15 giờ ngày 22/7/2017, Nguyễn Ngọc D nhắn tin trên mạng xã hội Zalo nhờ Bùi Vĩnh L1 làm giả giấy chứng nhận đăng ký chiếc xe mô tô trên với thông tin “Biển số 60B7-160.27, loại xe Honda Airblade, chủ xe là Nguyễn Văn Hải” theo số khung, số máy là của chiếc xe mô tô trên, Bùi Vĩnh L1 đồng ý làm giá 1.000.000 đồng. Bùi Vĩnh L1 nhờ đối tượng C1 (chưa rõ lai lịch) làm giả giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô có đặc điểm như thỏa thuận với Nguyễn Ngọc D, giá 500.000 đồng. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, Nguyễn Ngọc D chạy xe Honda Airblade biển số 60B7-160.27 gửi tại chung cư Blue Square (địa chỉ: 91 Phạm Văn Hai, Phường 3, quận Tân Bình).

Khoảng 11 giờ ngày 23/7/2017, C1 nhờ xe ôm giao cho Bùi Vĩnh L1 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô giả có nội dung như Nguyễn Ngọc D đã yêu cầu. Đến 16 giờ cùng ngày, Bùi Vĩnh L1 giao giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô giả cho Nguyễn Ngọc D và nhận 1.000.000 đồng tiền làm giấy. Sau đó, Nguyễn Ngọc D chào bán xe Honda Airblade màu vàng đồng biển số 60B7-160.27 có giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô giả (không làm giấy mua bán) cho Nguyễn Ngọc L2 giá 17.000.000 đồng. Mặc dù trước đó, Nguyễn Ngọc L2 đã biết Nguyễn Ngọc D nhiều lần mua xe mô tô có nguồn gốc bất hợp pháp rồi làm giả giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô bán lại nhưng Nguyễn Ngọc L2 vẫn đồng ý mua chiếc xe mô tô của Nguyễn Ngọc D để bán lại kiếm lời. Khoảng 09 giờ ngày 25/7/2017, Nguyễn Ngọc L2 đưa 17.000.000 đồng tiền mua xe cho Nguyễn Ngọc D, Nguyễn Ngọc D giao phiếu giữ xe kèm giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô trên để Nguyễn Ngọc L2 vào chung cư Blue Square lấy xe.

Sau khi mua được chiếc xe trên, Nguyễn Ngọc L2 điện thoại cho Nguyễn Chí H đến lấy chiếc xe mô tô trên đi tiêu thụ, mặc dù biết là tiêu thụ xe gian nhưng Nguyễn Chí H vẫn đồng ý. Sau đó, Nguyễn Chí H chở Nguyễn Ngọc Q cùng đi gặp Nguyễn Ngọc L2 để lấy xe. Khi gặp nhau, Nguyễn Ngọc L2 giao chiếc xe Honda Airblade màu vàng đồng biển số 60B7-160.27 cùng giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô giả cho Nguyễn Chí H để Nguyễn Chí H đem đi bán. Trên đường đi, Nguyễn Ngọc Q nói với Nguyễn Chí H có người bạn là Trần Bảo D1 chuyên cầm xe tại quận Tân Bình, Nguyễn Chí H đồng ý nên Nguyễn Ngọc Q liên hệ với Trần Bảo D1 để cầm cố chiếc xe mô tô trên giá 21.000.000 đồng, hẹn chuộc vào ngày 30/7/2017.

Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, Nguyễn Ngọc Q và Nguyễn Chí H chạy chiếc xe trên đến nhà Trần Bảo D1. Khi gặp Trần Bảo D1, Nguyễn Ngọc Q nói bán với giá 25.000.000 đồng, nhưng Trần Bảo D1 không đồng ý mua do xe đứng tên Nguyễn Văn H2. Lúc này, Nguyễn Chí H nói chiếc xe này là của chú ruột Nguyễn Chí H, tên Nguyễn Văn H2, do Nguyễn Chí H cần tiền nên nhờ Trần Bảo D1 cầm giá 21.000.000 đồng, anh Trần Bảo D1 đồng ý và giao tiền cho Nguyễn Chí H, Nguyễn Chí H viết giấy cầm xe rồi đưa chiếc xe và giấy chứng nhận đăng ký giả cho Trần Bảo D1. Sau khi nhận tiền, Nguyễn Chí H về đưa cho Nguyễn Ngọc L2 và được Nguyễn Ngọc L2 cho 1.500.000 đồng và Nguyễn Chí H cho lại Nguyễn Ngọc Q 800.000 đồng. Khi Trần Bảo D1 điều khiển chiếc xe mô tô trên đi cùng bạn là Phan Mai Hữu S thì bị Cảnh sát hình sự - Công an Thành phố Hồ Chí Minh phát hiện.

Bằng thủ đoạn như trên, Nguyễn Ngọc D đã nhiều lần mua xe có nguồn gốc do người khác phạm tội mà có từ Bùi Vĩnh L1, hoặc của những người không rõ lai lịch trên mạng, hoặc từ giới thiệu của Nguyễn Ngọc L2 với giá rẻ. Sau đó, Nguyễn Ngọc D nhờ Bùi Vĩnh L1 làm giấy đăng ký xe giả để đem đi bán hoặc cầm tại tiệm cầm đồ HH (địa chỉ: 93D Phạm Văn Hai, Phường 3, quận Tân Bình) do anh Lê Ngọc C làm chủ tiệm và tiệm cầm đồ ĐT (địa chỉ: 66 Tân Sơn Hòa, Phường 2, quận Tân Bình) do anh Trần Xuân Đ1 làm chủ tiệm để hưởng lợi.

Bùi Vĩnh L1 nhiều lần mua xe có nguồn gốc bất hợp pháp trên mạng, hoặc qua giới thiệu của Hoàng Anh V với giá rẻ, sau đó bán lại cho Nguyễn Ngọc D để hưởng lợi. Đồng thời, Bùi Vĩnh L1 nhận làm giấy đăng ký xe giả cho Nguyễn Ngọc D giá 1.000.000

đồng/01 giấy. Sau đó, Bùi Vĩnh L1 nhờ đối tượng tên C1 làm giả giá 500.000 đồng/01 giấy, Bùi Vĩnh L1 hưởng lợi 500.000 đồng/01 giấy.

Nguyễn Ngọc L2 thường giới thiệu cho Nguyễn Ngọc D mua xe có nguồn gốc bất hợp pháp để được Nguyễn Ngọc D cho tiền công 200.000 đồng/01 chiếc. Đồng thời, Nguyễn Ngọc L2 biết Nguyễn Ngọc D mua bán xe có nguồn gốc bất hợp pháp và có giấy tờ giả nhưng Nguyễn Ngọc L2 vẫn mua và đưa cho Nguyễn Chí H mang đi cầm để hưởng lợi.

Hoàng Anh V giới thiệu cho Bùi Vĩnh L1 mua 02 chiếc xe có nguồn gốc bất hợp pháp, giá rẻ để Bùi Vĩnh L1 cho Hoàng Anh V tiền công 500.000 đồng/01 chiếc.

Quá trình điều tra, ngoài chiếc xe Honda Airblade màu vàng đồng biển số 60B7-160.27 như đã nêu trên, Nguyễn Ngọc D và đồng phạm còn tiêu thụ nhiều xe mô tô, cụ thể sau:

*1. Xe mô tô Honda Airblade biển số 62P1-366.45, số máy JF46E-0042537, số khung RLHJF460XDY-042491:*

Ngày 09/7/2017, qua giới thiệu của Nguyễn Ngọc L2, Nguyễn Ngọc D mua xe mô tô Honda Airblade biển số 62P1-366.45 của C1 (chưa rõ lai lịch) giá 12.000.000 đồng. Sau đó, Nguyễn Ngọc D nhờ Bùi Vĩnh L1 làm giả giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 134903 tên “Nguyễn Thị Ngọc Hà”, giá 1.000.000 đồng. Bùi Vĩnh L1 đặt C1 làm giả với giá 500.000 đồng (Bùi Vĩnh L1 hưởng tiền công 500.000 đồng), sau đó Bùi Vĩnh L1 giao lại cho Nguyễn Ngọc D. Ngày 12/7/2017, Nguyễn Ngọc D đưa xe cùng giấy chứng nhận đăng ký giả đến cầm cho tiệm cầm đồ ĐT với giá 18.000.000 đồng (hợp đồng thế chấp số 82A, Nguyễn Ngọc D đứng tên ký tên bên thế chấp), Nguyễn Ngọc D cho Nguyễn Ngọc L2 200.000 đồng tiền môi giới, Nguyễn Ngọc D hưởng lợi 4.800.000 đồng.

Kết luận giám định số khung và số máy của xe là nguyên thủy, không thay đổi. Chiếc xe bị thu giữ có biển số thật là 59G1-542.06 do anh Bùi Minh C2 chủ sở hữu, bị mất trộm vào ngày 27/5/2017 tại Phường 5, quận Gò Vấp.

Kết luận định giá tài sản số 14371/STC-HĐĐGTS-BVG ngày 14/3/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự Thành phố Hồ Chí Minh: chiếc xe trị giá 29.260.000 đồng.

Kết luận giám định số 1136/KLGD-TT ngày 11/9/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh: “Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy” số 134903 mang tên Nguyễn Thị Ngọc Hà là giả.

*2. Xe Honda Airblade biển số 71C2-221.15, số máy JF46E-4119083, số khung RLHJF4605DY-553560:*

Ngày 03/5/2017, Bùi Vĩnh L1 mua của đối tượng trên mạng (không rõ lai lịch) chiếc xe mô tô Honda Airblade biển số 71C2-221.15 cùng giấy chứng nhận đăng ký chiếc xe này số 022178 tên “Lê Thị Ngọc Thảo”, giá 12.000.000 đồng rồi bán lại cho Nguyễn Ngọc D giá 13.000.000 đồng. Ngày 07/5/2017, Nguyễn Ngọc D đưa chiếc xe này cùng giấy chứng nhận đăng ký đến cầm cho tiệm cầm đồ ĐT 19.000.000 đồng (hợp đồng thế chấp số 53A, Nguyễn Ngọc D ký đứng tên Lê Thị Ngọc Thảo là bên thế chấp), Nguyễn

Ngọc D hưởng lợi 6.000.000 đồng.

Kết quả giám định số khung và số máy của chiếc xe trên là nguyên thủy, không thay đổi. Chiếc xe bị thu giữ có biển số thật là 59N1-575.76, do Công ty TNHH PTCN Hàn và TĐH Sơn Vũ (địa chỉ: 29 đường số 6, phường An Lạc, quận Bình Tân; Giám đốc là anh Nguyễn Hồng Sơn) chủ sở hữu. Khoảng năm 2013, anh Nguyễn Trí V mua để sử dụng nhưng do chưa có hộ khẩu ở Thành phố Hồ Chí Minh nên nhờ công ty đăng ký. Anh Nguyễn Trí V sử dụng chiếc xe mô tô trên đến ngày 10/5/2016 thì bị mất trộm tại xã Tân Quý Tây, huyện Bình Chánh.

Kết luận định giá tài sản số 14371/STC-HĐĐGTS-BVG ngày 14/3/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự Thành phố Hồ Chí Minh: chiếc xe trị giá 31.287.000 đồng.

Kết luận giám định số 1136/KLGD-TT ngày 11/9/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh: Không đủ cơ sở kết luận giám định “Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy” số 022178 mang tên Lê Thị Ngọc Thảo là thật hay là giả.

*3. Xe Honda Airblade biển số 49G1-202.40, số máy JF46E-0091860, số khung RLHJF4605DY405795:*

Ngày 18/7/2017, Bùi Vĩnh L1 lên mạng mua chiếc xe mô tô Honda Airblade biển số 49G1-202.40 của một đối tượng (không rõ lai lịch) giá 11.000.000 đồng rồi bán lại cho Nguyễn Ngọc D 12.000.000 đồng. Sau đó, Nguyễn Ngọc D nhờ Bùi Vĩnh L1 làm giả giấy chứng nhận đăng ký số 017700 tên “Nguyễn Văn Sáng”, giá 1.000.000 đồng, Bùi Vĩnh L1 đặt C1 làm giả giá 500.000 đồng. Ngày 18/7/2017, Nguyễn Ngọc D đưa chiếc xe trên cùng giấy chứng nhận đăng ký giả đến cầm cho tiệm cầm đồ ĐT được 20.000.000 đồng (hợp đồng thế chấp số 84A, Nguyễn Ngọc D đứng tên ký tên bên thế chấp), Nguyễn Ngọc D hưởng lợi 7.000.000 đồng.

Kết luận giám định số khung và số máy của chiếc xe trên là nguyên thủy, không thay đổi. Chiếc xe bị thu giữ có biển số thật là 72G1-227.23, do anh Phạm Văn L3 chủ sở hữu, bị mất trộm vào ngày 12/7/2017 tại xã Hòa Hội, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Kết luận định giá tài sản số 14371/STC-HĐĐGTS-BVG ngày 14/3/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự Thành phố Hồ Chí Minh: chiếc xe trị giá 33.092.000 đồng.

Kết luận giám định số 1136/KLGD-TT ngày 11/9/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh: “Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy” số 017700 mang tên Nguyễn Văn Sáng là giả.

*4. Xe Honda Wave biển số 68E1-121.06, số máy JC52E4260739, số khung RLHJC5211CY418085:*

Ngày 20/4/2017, Nguyễn Ngọc D mua của đối tượng trên mạng (chưa rõ lai lịch) chiếc xe mô tô Honda Wave biển số 68E1-121.06 với giá 7.000.000 đồng. Sau đó, Nguyễn Ngọc D nhờ Bùi Vĩnh L1 làm giả giấy chứng nhận đăng ký chiếc xe này số 134903 tên “Nguyễn Đình Tư”, với giá 1.000.000 đồng, Bùi Vĩnh L1 đặt C1 làm giả với

giá 500.000 đồng. Ngày 26/4/2017, Nguyễn Ngọc D đưa chiếc xe cùng giấy chứng đăng ký giả đến tiệm cầm đồ ĐT 9.500.000 đồng (hợp đồng thế chấp số 48A, Nguyễn Ngọc D đứng tên ký tên bên thế chấp), Nguyễn Ngọc D hưởng lợi 1.500.000 triệu đồng.

Kết luận giám định số khung và số máy của chiếc xe mô tô trên là nguyên thủy, không thay đổi. Chiếc xe bị thu giữ có biển số thật là 59P1-501.73 do Phạm Quang K1 đứng tên chủ sở hữu, bị mất trộm vào tháng 5/2017 tại Phường 5, quận Phú Nhuận.

Kết luận định giá tài sản số 14371/STC-HĐĐGTS-BVG ngày 14/3/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự Thành phố Hồ Chí Minh: chiếc xe trên trị giá 12.825.000 đồng.

Kết luận giám định số 1136/KLGD-TT ngày 11/9/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh: “Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy” số 134903 mang tên Nguyễn Đình Tư là giả.

5. Xe Honda Vision biển số 59X1-089.16; số máy JF33E-0059249; số khung RLHJF330XCY-059188:

Ngày 15/6/2017, Bùi Vĩnh L1 mua chiếc xe mô tô Honda Vision biển số 59X1-089.16 của một đối tượng trên mạng (không rõ lai lịch) 6.000.000 đồng. Ngày 16/6/2017, Bùi Vĩnh L1 bán lại chiếc xe này cho Nguyễn Ngọc D 6.500.000 đồng. Sau đó, Nguyễn Ngọc D nhờ Bùi Vĩnh L1 làm giả giấy chứng nhận đăng ký chiếc xe mô tô số 017700 tên “Trần Hoàng Thương”, giá 1.000.000 đồng, Bùi Vĩnh L1 đặt C1 làm giả giá 500.000 đồng sau đó giao lại cho Nguyễn Ngọc D. Ngày 17/6/2017, Nguyễn Ngọc D đưa xe cùng giấy chứng nhận đăng ký xe giả đến tiệm cầm đồ ĐT thế chấp để lấy lại chiếc xe mô tô Yamaha Nouvo biển số 59Y2-498.68, số máy 213079, số khung 213064 do Nguyễn Ngọc D đã cầm trước đó vào ngày 17/6/2017 (hợp đồng thế chấp số 67A, Nguyễn Ngọc D ký tên đứng tên Nguyễn Hoàng M1 bên người thế chấp) 13.000.000 đồng, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh không thu giữ được chiếc xe mô tô Yamaha Nouvo biển số 59Y2-498.68.

Sau khi chuộc chiếc xe Yamaha Nouvo biển số 59Y2-498.68, Nguyễn Ngọc D bán lại cho Nguyễn Ngọc L2 với giá 10.000.000 đồng. Sau đó, Nguyễn Ngọc L2 đưa chiếc xe biển số 59Y2-498.68 cùng giấy chứng nhận đăng ký giả cho Nguyễn Chí H đăng bán trên mạng cho một người phụ nữ (không rõ lai lịch) 13.000.000 đồng, Nguyễn Ngọc L2 chia cho Nguyễn Chí H 1.000.000 đồng.

Kết luận giám định: số máy JF33E-0059249; số khung RLHJF330XCY-059188 của chiếc xe mô tô hiệu Honda Vision là nguyên thủy, không thay đổi. Chiếc xe bị thu giữ do anh Đàm Anh Q chủ sở hữu, bị mất trộm vào ngày 15/7/2017 tại Phường 1, Quận 10.

Kết luận định giá tài sản số 14371/STC-HĐĐGTS-BVG ngày 14/3/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự Thành phố Hồ Chí Minh: chiếc xe mô tô hiệu Honda Vision, số máy JF33E-0059249; số khung RLHJF330XCY-059188, trị giá 18.715.000 đồng.

Kết luận giám định số 1136/KLGD-TT ngày 11/9/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh: “Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy” số 017700 mang tên Trần Hoàng Thương là giả.

6. Xe Honda Vision biển số 59Y2-403.78, số máy JF33E-0154337, số khung RLHJF3304CY-154295:

Ngày 25/6/2017, qua giới thiệu của Nguyễn Ngọc L2, Nguyễn Ngọc D mua của C1 (chưa rõ lai lịch) chiếc xe mô tô hiệu Honda Vision biển số 59Y2-403.78 với giá 7.000.000 đồng. Sau đó, Nguyễn Ngọc D nhờ Bùi Vĩnh L1 làm giả giấy chứng nhận đăng ký chiếc xe mô tô số 017700 mang tên “Nguyễn Ngọc Phụng”, giá 1.000.000 đồng, Bùi Vĩnh L1 đặt C1 làm giả giá 500.000 đồng, sau đó giao lại cho Nguyễn Ngọc D. Ngày 28/6/2017, Nguyễn Ngọc D đưa chiếc xe trên cùng giấy chứng nhận đăng ký giả đến cầm cho tiệm cầm đồ ĐT 13.000.000 đồng (hợp đồng thế chấp số 75A, Nguyễn Ngọc D đứng tên ký tên bên thế chấp), Nguyễn Ngọc D cho Nguyễn Ngọc L2 200.000 đồng tiền môi giới, Nguyễn Ngọc D hưởng lợi 4.800.000 đồng.

Kết luận giám định số khung và số máy của chiếc xe là nguyên thủy, không thay đổi. Chiếc xe bị thu giữ có biển số thật là 59V1-532.93 do chị Nguyễn Thị Phương K2 chủ sở hữu. Đến năm 2015, chị Nguyễn Thị Phương K2 đã bán chiếc xe trên nhưng không làm giấy tờ nên không nhớ thông tin người đã mua chiếc xe mô tô này. Còn chị Nguyễn Thị Kim L4, chị Nguyễn Thị Ánh M khai giữa năm 2015, hai chị mua chiếc xe trên tại cửa hàng để về sử dụng. Đến tháng 7/2017, chị M sử dụng xe và bị mất trộm tại phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức.

Kết luận định giá tài sản số 14371/STC-HĐĐGTS-BVG ngày 14/3/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự Thành phố Hồ Chí Minh: chiếc xe trị giá 18.715.000 đồng.

Kết luận giám định số 1136/KLGD-TT ngày 11/9/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh: “Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy” số 017700 mang tên Nguyễn Ngọc Phụng là giả.

7. Xe Yamaha Surius biển số 67G1-527.93, số máy 1FC3112265, số khung RLCS1FC30FY112251:

Ngày 15/4/2017, Nguyễn Ngọc D mua chiếc xe mô tô Yamaha Surius biển số 67G1-527.93 của một đối tượng trên mạng (chưa rõ lai lịch) giá 7.000.000 đồng. Sau đó, Nguyễn Ngọc D nhờ Bùi Vĩnh L1 làm giả giấy chứng nhận đăng ký chiếc xe mô tô số 134903 tên “Đình Văn Đờ”, giá 1.000.000 đồng, Bùi Vĩnh L1 đặt C1 làm giả với giá 500.000 đồng, sau đó giao lại cho Nguyễn Ngọc D. Ngày 18/4/2017, Nguyễn Ngọc D đưa xe cùng giấy chứng nhận đăng ký giả đến cầm cho tiệm cầm đồ ĐT 13.000.000 đồng (hợp đồng thế chấp số 46A, Nguyễn Ngọc D đứng tên ký tên bên thế chấp), Nguyễn Ngọc D hưởng lợi 5.000.000 đồng.

Kết quả giám định số khung và số máy của chiếc xe mô tô trên là nguyên thủy, không thay đổi. Chiếc xe bị thu giữ có biển số thật là 48F1-061.47 do anh Lê Việt H3 chủ sở hữu, bị mất trộm vào ngày 04/7/2017 tại Phường 10, Quận 10.

Kết luận định giá tài sản số 14371/STC-HĐĐGTS-BVG ngày 14/3/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự Thành phố Hồ Chí Minh: chiếc xe trị giá 15.358.000 đồng.

Kết luận giám định số 1136/KLGD-TT ngày 11/9/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh: “Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy” số 134903 mang tên Đinh Văn Đờ là giả.

8. Xe Honda Lead biển số 59L2-194.29, số máy JF45E-0521756, số khung RLHJF4518FY512644 cùng giấy chứng nhận đăng ký xe:

Ngày 12/7/2017, qua giới thiệu của Nguyễn Ngọc L2, Nguyễn Ngọc D mua chiếc xe mô tô Honda Lead biển số 59L2-194.29 của C1 (chưa rõ lai lịch) giá 11.000.000 đồng. Sau đó, Nguyễn Ngọc D nhờ Bùi Vĩnh L1 làm giả giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 017700 tên “Ngô Thị Băng”, giá 1.000.000 đồng, Bùi Vĩnh L1 đặt C1 làm giả giá 500.000 đồng, Bùi Vĩnh L1 hưởng lợi 500.000 đồng. Ngày 14/7/2017, Nguyễn Ngọc D đưa chiếc xe trên cùng giấy chứng nhận đăng ký giả đến cầm cho tiệm cầm đồ ĐT 18.000.000 đồng (hợp đồng thế chấp số 83A, Nguyễn Ngọc D đứng ký tên bên thế chấp), Nguyễn Ngọc D cho Nguyễn Ngọc L2 200.000 đồng môi giới, Nguyễn Ngọc D hưởng lợi 5.800.000 đồng.

Kết luận giám định số khung và số máy của chiếc xe mô tô trên là nguyên thủy, không thay đổi. Còn chiếc xe bị thu giữ có biển số thật là 59D2-011.95 do chị Đoàn Thị Bích P chủ sở hữu.

Xác minh tại Công an phường Phú Trung, quận Tân Phú, chị Phương đã bán nhà đi đâu không rõ từ năm 2011. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh đã đăng báo mời chủ sở hữu chiếc xe mô tô Honda Lead nêu trên đến làm việc, tuy nhiên đến nay chưa có kết quả.

Kết luận giám định số 1136/KLGD-TT ngày 11/9/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh, kết luận: “Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy” số 017700 tên “Ngô Thị B” của chiếc xe trên là giả. Xác minh tại Công an thị trấn Hóc Môn, huyện Hóc Môn, hiện chị Ngô Thị B không có mặt tại địa phương.

9. Xe Honda SH biển số 59T1-716.29, số máy JF42E-1023373, số khung RLHJF4227FY023343 (không có giấy chứng nhận đăng ký xe):

Khoảng giữa tháng 5/2017, Bùi Vĩnh L1 lên mạng mua chiếc xe mô tô hiệu Honda SH biển số 59T1-716.29 (không giấy chứng nhận đăng ký) của một đối tượng (không rõ lai lịch) 21.000.000 đồng, 02 ngày sau thì Bùi Vĩnh L1 bán lại cho Nguyễn Ngọc D 23.500.000 đồng. Đến tháng 7/2017, Nguyễn Ngọc D đưa chiếc xe trên đến thế chấp lại cho tiệm cầm đồ ĐT để lấy lại chiếc xe mô tô Honda Vario biển số 59P2-336.97 mà Nguyễn Ngọc D đã cầm vào ngày 23/12/2016 (hợp đồng thế chấp số 28A, Nguyễn Ngọc D đứng tên ký tên bên thế chấp) 43.000.000 đồng, về nguồn gốc chiếc xe Honda Vario, Nguyễn Ngọc D khai nhận mua xe cùng giấy chứng nhận đăng ký xe giả của một đối tượng trên mạng (không rõ lai lịch) 25.000.000 đồng.

Kết luận giám định số khung và số máy của chiếc xe mô tô hiệu Honda SH là nguyên thủy, không thay đổi. Chiếc xe bị thu giữ có biển số thật là 61C1-639.06 do chị Đoàn Thị D3 chủ sở hữu, khoảng tháng 01/2017, chồng chị Đoàn Thị D3 là anh Trần Bảo A1 sử dụng chiếc xe mô tô này và bị lừa đảo chiếm đoạt tài sản tại phường Bình Nhâm, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Kết luận định giá tài sản số 6630/KL-HĐĐGTS ngày 13/10/2020 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tố tụng hình sự Thành phố Hồ Chí Minh: chiếc xe mô tô Honda SH, trị giá 57.000.000 đồng.

*10. Xe Honda Vision biển số 66F1-345.49, số máy JF58E0171908, số khung RLHJF5802EY171782:*

Ngày 27/6/2017, Bùi Vĩnh L1 mua chiếc xe mô tô Honda Vision biển số 66F1-345.49, kèm giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô của chiếc xe này số 007092 mang tên Nguyễn Thị Phụng của đối tượng trên mạng (không rõ lai lịch) 13.000.000 đồng, sau đó Bùi Vĩnh L1 bán lại cho Nguyễn Ngọc D 14.000.000 đồng. Ngày 29/6/2017, Nguyễn Ngọc D đưa chiếc xe này đến cầm cho tiệm cầm đồ HH 17.000.000 đồng, Nguyễn Ngọc D hưởng lợi 3.000.000 đồng.

Kết luận giám định số khung và số máy của chiếc xe mô tô trên là nguyên thủy, không thay đổi. Chiếc xe trên do chị Nguyễn Thị P3 chủ sở hữu và bị mất trộm vào ngày 18/6/2017 tại Phường 14, quận Bình Thạnh (giấy chứng nhận đăng ký xe để bên trong cốp xe).

Kết luận định giá tài sản số 14371/STC-HĐĐGTS-BVG ngày 14/3/2018 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tố tụng hình sự Thành phố Hồ Chí Minh: chiếc xe mô tô Honda Vision biển số 66F1-345.49, trị giá 27.645.000 đồng.

Kết luận giám định số 483/KL-KTHS ngày 04/6/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Tháp: “Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy” số 007092 mang tên Nguyễn Thị Phụng là thật.

*11. Xe Honda Airblade biển số 70F1-241.26, số máy JF46E-0086375, số khung RLHJF4603DY078930:*

Ngày 09/7/2017, Nguyễn Ngọc L2 cũng giới thiệu cho Nguyễn Ngọc D mua chiếc xe mô tô Honda Airblade biển số 70F1-241.26, kèm giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 025439 tên Lê Văn Điệp giá 15.000.000 đồng. Ngày 14/7/2017, Nguyễn Ngọc D đưa chiếc xe này đến cầm cho tiệm cầm đồ HH 17.000.000 đồng, Nguyễn Ngọc D cho Lâm 200.000 đồng tiền môi giới, Nguyễn Ngọc D hưởng lợi 1.800.000 đồng.

Kết luận giám định số khung và số máy của chiếc xe mô tô trên là nguyên thủy, không thay đổi. Qua xác minh chiếc xe trên do anh Lê Văn Đ chủ sở hữu. Đầu năm 2017, anh Lê Văn Đ cho di ruột của vợ là bà Ngô Thị Thanh T4 mượn để sử dụng, bị mất trộm vào ngày 30/6/2017 tại Phường 24, quận Bình Thạnh (giấy chứng nhận đăng ký xe để bên trong cốp xe).

Kết luận định giá tài sản số 14371/STC-HĐĐGTS-BVG ngày 14/3/2018 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tố tụng hình sự Thành phố Hồ Chí Minh: chiếc xe mô tô trên trị giá 29.260.000 đồng.

Kết luận giám định số 2479/KLGĐ-TT ngày 14/12/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh: “Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy” số 025439 tên Lê Văn Đ là thật.

*12. Xe Yamaha Surius biển số 64E1-013.06; số máy 5C63-500652; số khung RLCS5C630BY-500595:*

Ngày 17/7/2017, Nguyễn Ngọc D mua chiếc xe mô tô Yamaha Surius biển số 64E1-013.06 của một đối tượng trên mạng (chưa rõ lai lịch), kèm giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô của chiếc xe này số 001384 tên Võ Hoàng D4 4.000.000 đồng. Ngày 20/7/2017, Nguyễn Ngọc D đưa chiếc xe trên cầm cho tiệm cầm đồ HH 8.500.000 đồng, Nguyễn Ngọc D hưởng lợi 4.500.000 đồng.

Kết luận giám định số khung và số máy của chiếc xe mô tô trên là nguyên thủy, không thay đổi. Qua xác minh chiếc xe trên do anh Võ Hoàng D4 chủ sở hữu, bị mất trộm vào ngày 10/6/2017 tại Phường 6, quận Bình Thạnh (bên trong cốp xe có giấy chứng nhận đăng ký chiếc xe).

Kết luận định giá số 2939/KL-HĐĐGTS ngày 21/5/2020 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự Thành phố Hồ Chí Minh: chiếc xe trị giá 12.445.000 đồng.

Kết luận giám định số 197/KLGD-PC09 ngày 25/5/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Long: “Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy” số 001384 tên Võ Hoàng D4 là thật.

*13. Xe Honda SH biển số 59P2-081.70, số máy KF08E-1100221, số khung ZDCKF10BOBF132567:*

Ngày 19/7/2017, đối tượng “Nô” chào bán chiếc xe Honda SH biển số 59P2-081.70, số máy KF08E-1100221, số khung ZDCKF10BOBF132567 cho Hoàng Anh V giá 38.000.000 đồng. Hoàng Anh V điện thoại cho Bùi Vĩnh L1 biết, Bùi Vĩnh L1 đồng ý mua và hứa cho Hoàng Anh V 500.000 đồng tiền công giới thiệu. Do Bùi Vĩnh L1 đang ở tỉnh Lâm Đồng nên nhờ Nguyễn Thị Diễm P1 (bạn gái Bùi Vĩnh L1) đưa 38.000.000 đồng cho Hoàng Anh V đi mua xe. Sau đó, Nguyễn Thị Diễm P1 đưa cho Hoàng Anh V 28.000.000 đồng theo yêu cầu của Bùi Vĩnh L1. Khi Hoàng Anh V mua chiếc xe trên xong, Bùi Vĩnh L1 đã kêu Hoàng Anh V đem chiếc xe đến tiệm sửa xe của Võ Minh P2 để gửi thì bị phát hiện thu giữ.

Kết quả giám định số khung và số máy của chiếc xe trên bị đục. Số máy nguyên thủy JF14E-5010161-KTF E1, số khung nguyên thủy RLHJF2908AY 101551”. Chiếc xe bị thu giữ có biển số thật 59V1- 308.06 do chị Phạm Thị H4 chủ sở hữu, bị mất trộm vào ngày 20/7/2017 tại Phường 14, quận Gò Vấp.

Kết luận định giá số 2939/KL-HĐĐGTS ngày 21/5/2020 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự Thành phố Hồ Chí Minh: chiếc xe trị giá 88.192.000 đồng.

- Đối với chiếc xe Honda Wave biển số 61Z1-5028, số máy HC09E-6340407, số khung RLHHC09066Y340244. Qua giám định số khung và số máy của chiếc xe mô tô trên là nguyên thủy, không thay đổi. Chiếc xe bị thu giữ có biển số thật là 92F1-4611, do chị Lê Thị Chinh N1 đứng tên chủ sở hữu. Năm 2012, chị Nhân bán lại cho anh Bùi Quốc D5 và bị mất trộm tại xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh. Hoàng Anh V khai chiếc xe

trên Hoàng Anh V mua để làm phương tiện đi lại, và quá trình sử dụng Hoàng Anh V đã làm mất giấy đăng ký xe, nên không có cơ sở xử lý Hoàng Anh V về hành vi tiêu thụ chiếc xe này.

- Đối với chiếc xe Honda Wave biển số 59V1-532.93, số máy JC43E-1461065, số khung RLHJC310AY-665099 cùng giấy chứng nhận đăng ký xe giả, và chiếc xe Yamaha Exciter biển số 59V1-727.61, số máy 1S93-003197, số khung 930BY-003197 cùng giấy chứng nhận đăng ký xe giả. Nguyễn Ngọc D cầm tại tiệm cầm đồ ĐT. Qua xác minh 02 chiếc xe trên không có trong hệ thống dữ liệu nên không xác minh được chủ sở hữu để làm rõ nguồn gốc chiếc xe này, nên không có cơ sở xử lý Nguyễn Ngọc D về hành vi tiêu thụ 02 chiếc xe này.

Đối với Nguyễn Chí H, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh đã khởi tố truy nã, khi nào bắt được sẽ xử lý sau.

Đối với đối tượng tên Nô, C1 và các đối tượng bán xe trên mạng cho Bùi Vĩnh L1 và Nguyễn Ngọc D, do không rõ lai lịch nên không có cơ sở điều tra truy xét làm rõ.

Đối với anh Trần Bảo D1, Trần Xuân Đ1, Lê Ngọc C khi nhận cầm xe không biết những xe trên có nguồn gốc do phạm tội mà có, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh không xử lý là có cơ sở.

Đối với anh Nguyễn Ngọc Q, chị Nguyễn Thị Diễm P1 và anh Võ Minh P2 không biết nguồn gốc chiếc xe trên do phạm tội mà có, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh không xử lý là có cơ sở.

Tại bản Cáo trạng số 281/CT-VKS-P2 ngày 25/5/2021 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc D về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” quy định tại điểm a khoản 3 Điều 323 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và tội “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” quy định tại điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; truy tố bị cáo Bùi Vĩnh L1 về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 323 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” quy định tại điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc L2 về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 323 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và tội “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; truy tố bị cáo Hoàng Anh V về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 323 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo về tội danh theo Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Căn cứ điểm a khoản 3, khoản 5 Điều 323; điểm b khoản 3, khoản 4 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm b khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc D từ 08 năm tù đến 09 năm tù về tội “Tiêu

thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”; phạt tiền 20 triệu đồng; xử phạt Nguyễn Ngọc D từ 04 năm tù đến 05 năm tù về tội “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”; phạt tiền 20 triệu đồng.

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; tổng hợp hình phạt hai tội, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung là 12 năm tù đến 14 năm tù; phạt tiền tổng cộng 40 triệu đồng.

2. Căn cứ điểm b, c khoản 2, khoản 5 Điều 323; điểm a khoản 3, khoản 4 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; xử phạt Bùi Vĩnh L1 từ 04 năm tù đến 05 năm tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”; phạt tiền 20 triệu đồng; xử phạt Bùi Vĩnh L1 từ 04 năm tù đến 05 năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”; phạt tiền 20 triệu đồng.

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; tổng hợp hình phạt hai tội, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung là 08 năm tù đến 10 năm tù; phạt tiền tổng cộng 40 triệu đồng.

3. Căn cứ điểm c khoản 2, khoản 5 Điều 323; khoản 1, khoản 4 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; xử phạt Nguyễn Ngọc L2 từ 03 năm tù đến 04 năm tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”; phạt tiền 20 triệu đồng; xử phạt Nguyễn Ngọc L2 từ 01 năm 06 tháng tù đến 02 năm tù về tội “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”; phạt tiền 05 triệu đồng.

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; tổng hợp hình phạt hai tội, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung là 04 năm 06 tháng tù đến 06 năm tù; phạt tiền tổng cộng 25 triệu đồng

4. Căn cứ điểm c khoản 2, khoản 5 Điều 323; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; xử phạt Hoàng Anh V từ 03 năm tù đến 04 năm tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”; phạt tiền 20 triệu đồng.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục lưu giữ 18 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô giả; tịch thu tiêu hủy 14 biển số xe; tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 06 chiếc xe không xác định được chủ sở hữu và 02 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone của Bùi Vĩnh L1; trả lại cho bị cáo Bùi Vĩnh L1 01 Ipad màu đen trắng; buộc bị cáo Nguyễn Ngọc D phải bồi thường cho ông Trần Xuân Đ1 và Lê Ngọc C số tiền theo yêu cầu.

- *Lược sự bào chữa cho bị cáo Nguyễn Ngọc L2 trình bày:* Đối với tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, bị cáo Nguyễn Ngọc L2 bị truy tố có hành vi tiêu thụ 04 chiếc xe. Hành vi môi giới của Lâm khi giới thiệu Nguyễn Ngọc D mua 03 chiếc xe của Lê Ngọc C chỉ là đồng phạm gián đoạn trong việc tiêu thụ tài sản và có vai trò không đáng kể. Vì Nguyễn Ngọc L2 chỉ giới thiệu cho Nguyễn Ngọc D là có xe bán chứ không nói rõ là loại xe gì; sau đó Nguyễn Ngọc D trực tiếp liên hệ với Lê Ngọc C để

thương lượng việc mua bán xe, Nguyễn Ngọc L2 không tham gia trong giao dịch giữa Nguyễn Ngọc D và Lê Ngọc C. Sau khi mua xe, Nguyễn Ngọc D tự tìm người để tiêu thụ xe mà không bàn bạc, trao đổi với Nguyễn Ngọc L2, Nguyễn Ngọc L2 không biết Nguyễn Ngọc D mua chiếc xe nào, mua bao nhiêu tiền, bán cho ai, bán được bao nhiêu. Ngoài ra, Nguyễn Ngọc D có cho Nguyễn Ngọc L2 200.000 đồng/01 chiếc xe, đây là hành vi tự nguyện của Nguyễn Ngọc D, Nguyễn Ngọc L2 không đòi hỏi hoặc thương lượng với Nguyễn Ngọc D về số tiền này. Đối với tội “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”, hành vi của bị cáo là trái pháp luật; tuy nhiên, bị cáo chỉ thực hiện hành vi 01 lần, sử dụng 01 giấy tờ giả và hành vi này đi kèm theo hành vi tiêu thụ tài sản mà bị cáo đã bị truy tố theo Điều 323 Bộ luật Hình sự đã nêu trên, không phải hành vi phạm tội độc lập. Đồng thời, ý thức chủ quan của bị cáo chỉ mua bán xe không chính chủ, không có ý thức sử dụng tài liệu giả của cơ quan Nhà nước. Trong vụ án này, bị cáo Nguyễn Ngọc L2 chỉ hưởng lợi 3.100.000 đồng không phải là 4.500.000 đồng như Cáo trạng xác định và bị cáo đã nộp lại toàn bộ số tiền này; bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, thừa nhận toàn bộ hành vi của mình, có bà nội là người có công với cách mạng nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên đề nghị áp dụng thêm cho bị cáo Điều 54 Bộ luật Hình sự để quyết định mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt đối với cả hai tội danh được áp dụng đối với bị cáo.

- Bị cáo Nguyễn Ngọc L2 đồng ý lời bào chữa của các Luật sư, không bào chữa bổ sung, không tham gia tranh luận; các bị cáo Nguyễn Ngọc D, Bùi Vĩnh L1, Hoàng Anh V không tham gia tranh luận.

- *Kiểm sát viên đối đáp:* Sau khi kiểm tra, xác định số tiền thu lợi bất chính đối với bị cáo Nguyễn Ngọc L2 là 3.100.000 đồng. Đối với các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự Luật sư đã trình bày đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo. Đối với quan điểm của Luật sư về hành vi “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” đi kèm theo hành vi “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” nên đề nghị không xem xét thì không có căn cứ.

Các Luật sư và Kiểm sát viên không đối đáp bổ sung bảo lưu ý kiến đã trình bày trước phiên tòa.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Các bị cáo Nguyễn Ngọc D, Bùi Vĩnh L1, Nguyễn Ngọc L2, Hoàng Anh V đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm hình phạt nhẹ nhất để sớm trở về với gia đình.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý

kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Quá trình điều tra, ông Trần Bảo D1 không có đơn yêu cầu bồi thường nên theo quy định tại Điều 63 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử không xác định ông Trần Bảo D1 là nguyên đơn dân sự trong vụ án.

[2] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo Nguyễn Ngọc D, Bùi Vĩnh L1, Nguyễn Ngọc L2, Hoàng Anh V thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ tài liệu khác mà cơ quan điều tra đã thu thập được trong quá trình tố tụng, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định: Trong năm 2017, Nguyễn Ngọc D, Bùi Vĩnh L1, Nguyễn Ngọc L2, Hoàng Anh V và Nguyễn Chí H nhiều lần mua, bán xe có nguồn gốc do người khác phạm tội mà có và nhiều lần mua bán hoặc môi giới để mua, bán xe có nguồn gốc do người khác phạm tội mà có để bán lại hưởng lợi hoặc hưởng tiền công môi giới mua bán xe. Đồng thời, sau khi mua xe không rõ nguồn gốc, Nguyễn Ngọc D đã nhờ Bùi Vĩnh L1 làm giấy đăng ký xe giả (với giá 1.000.000 đồng/01 giấy) để sử dụng các giấy tờ trên để đem xe đi tiêu thụ, cụ thể:

Nguyễn Ngọc D tiêu thụ 12 chiếc xe (60B7-160.27; 62P1-366.45; 71C2-221.15; 49G1-202.40; 68E1-121.06; 59X1-089.16; 59Y2-403.78; 67G1-527.93; 59T1-716.29; 66F1-345.49; 64E1-013.06 và 70F1-241.26), trị giá 318.694.000 đồng, hưởng lợi 84.000.000 đồng;

Bùi Vĩnh L1 tiêu thụ 07 chiếc xe (60B7-160.27; 71C2-221.15; 49G1-202.40; 59X1-089.16; 59T1-716.29; 66F1-345.49; 59P2-08170), trị giá 289.023.000 đồng, hưởng lợi 14.000.000 đồng;

Nguyễn Ngọc L2 tiêu thụ 04 chiếc xe (60B7-160.27; 62P1-366.45; 59Y2-403.78; 70F1-241.26), trị giá 110.327.000 đồng, hưởng lợi 4.500.000 đồng;

Hoàng Anh V tiêu thụ 02 chiếc xe (60B7-160.27 và 59P2-08170), trị giá 121.284.000 đồng, hưởng lợi 1.000.000 đồng;

Ngoài ra, Bùi Vĩnh L1 còn làm giả cho Nguyễn Ngọc D 11 giấy đăng ký xe giả (72D1-427.18; 59V1-532.93; 59V1-727.61; 59E1-269.93; 68E1-121.06; 59Y2-403.78; 67G1-527.93; 62P1-36645; 60B7-160.27; 49G1-202.40; 59X1-089), hưởng lợi 5.000.000 đồng; Nguyễn Ngọc D sử dụng 10 giấy đăng ký xe giả (72D1-427.18; 59V1-532.93; 59V1-727.61; 60B7-160.27; 62P1-366.45; 49G1-202.40; 68E1-121.06; 59X1-089.16; 59Y2-403.78; 67G1-527.93) để đem xe đi tiêu thụ; Nguyễn Ngọc L2 và Nguyễn Chí H sử dụng 01 giấy đăng ký xe giả (60B7-160.27) để đem xe đi tiêu thụ.

Hành vi của Nguyễn Ngọc D đã phạm vào tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” thuộc trường hợp “Tài sản, vật phạm pháp trị giá từ 300.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 323 Bộ luật Hình sự và tội “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” thuộc trường hợp “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu hoặc giấy tờ khác thực hiện tội phạm rất

ng nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Hành vi của Bùi Vĩnh L1 đã phạm vào tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” thuộc trường hợp “Có tính chất chuyên nghiệp” và “Tài sản, vật phạm pháp trị giá từ 100.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 đồng”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 323 Bộ luật Hình sự và tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” thuộc trường hợp “Làm 06 con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác trở lên”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Hành vi của Nguyễn Ngọc L2 đã phạm vào tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” thuộc trường hợp “Tài sản, vật phạm pháp trị giá từ 100.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 đồng”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 323 Bộ luật Hình sự và tội “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Hành vi của Hoàng Anh V đã phạm vào tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” thuộc trường hợp “Tài sản, vật phạm pháp trị giá từ 100.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 đồng”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 323 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[3] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm hại đến trật tự quản lý hành chính, xâm phạm sự hoạt động bình thường và uy tín của cơ quan Nhà nước, tổ chức, xâm phạm các lợi ích Nhà nước, của các tổ chức và của công dân, gây mất an ninh trật tự cho xã hội, do vậy phải xử lý nghiêm trước pháp luật nhằm giáo dục và phòng ngừa chung.

Xét vai trò của từng bị cáo trong vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy: Các bị cáo phạm tội với vai trò đồng phạm gián đơn cùng là người thực hiện tội phạm. Do đó các bị cáo có vai trò như nhau, không có người chủ mưu, cầm đầu. Nên khi xét xử cần lượng hình với vai trò đồng phạm của các bị cáo theo Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Ngọc D phạm tội thuộc trường hợp có tính chất chuyên nghiệp quy định tại b khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; các bị cáo Bùi Vĩnh L1, Hoàng Anh V, Nguyễn Ngọc L2 phạm tội thuộc trường hợp phạm tội 02 lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự;

Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo. Bị cáo Nguyễn Ngọc D có nhân thân tốt; bị cáo Nguyễn Ngọc L2 đã nộp lại toàn bộ số tiền thu lợi bất chính và có bà nội được Chủ tịch nước tặng Huân chương kháng chiến hạng nhì nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Đối với bị cáo Hoàng Anh V, Hội đồng xét xử xét thấy hoàn cảnh gia đình của bị cáo thuộc gia đình hộ nghèo theo Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19/11/2015 của Thủ

tướng Chính phủ (xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Mỹ Đức, huyện Đa Tễ, tỉnh Lâm Đồng số 32/GCN-HN ngày 25/12/2018), có cha ruột hiện nay đã trên 70 tuổi bị mù cả hai mắt, mức độ khuyết tật đặc biệt nặng, mẹ ruột cũng trên 70 tuổi bị mù cả hai mắt, mức độ khuyết tật nặng và chị ruột bị nhiễm chất độc da cam liệt toàn thân từ khi sinh ra, không thể vận động, dạng khuyết tật vận động, mức độ khuyết tật đặc biệt nặng, tất cả không còn khả năng lao động. Con bị cáo còn nhỏ, bị cáo là lao động chính duy nhất trong gia đình. Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nên áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự để xét xử dưới khung hình phạt và bị cáo đã bị tạm giam 01 năm 11 tháng, thời hạn tù đã đủ để bị cáo ăn năn, hối hận về hành vi đã thực hiện nên quyết định áp dụng mức phạt tù bằng với thời gian đã bị tạm giam đối với bị cáo Hoàng Anh V.

[5] Cơ quan điều tra xác định: Nguyễn Ngọc D hưởng lợi 84.000.000 đồng; Bùi Vĩnh L1 hưởng lợi 14.000.000 đồng; Nguyễn Ngọc L2 hưởng lợi 4.500.000 đồng; Hoàng Anh V hưởng lợi 1.500.000 đồng. Các bị cáo Bùi Vĩnh L1, Hoàng Anh V chưa nộp lại số tiền hưởng lợi nên buộc các bị cáo phải nộp lại để tịch thu nộp ngân sách Nhà nước. Riêng bị cáo Nguyễn Ngọc L2 đã nộp số tiền thu lợi bất chính 4.500.000 đồng; có đủ căn cứ xác định bị cáo hưởng lợi 03 xe mỗi xe 200.000 đồng = 600.000 đồng; 01 xe 1.500.000 đồng; tổng cộng 3.100.000 đồng, số tiền nộp dư 1.400.000 đồng trả lại cho bị cáo.

Đối với bị cáo Nguyễn Ngọc D, do bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường dân sự cho nguyên đơn dân sự nên không phải nộp lại số tiền thu lợi bất chính.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Ông Trần Xuân Đ1 có đơn yêu cầu bị cáo Nguyễn Ngọc D bồi thường số tiền 177.500.000 đồng. Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh thu thập tài liệu chứng minh thiệt hại bị cáo Nguyễn Ngọc D gây ra khi cầm 09 chiếc xe cho ông Trần Xuân Đ1 (gồm các xe: Honda Airblade biển số 62P1-366.45; Honda Airblade biển số 71C2-221.15; Honda Airblade biển số 49G1-202.40; Honda Wave biển số 68E1-121.06; Honda Vision biển số 59X1-089.16; Honda Vision biển số 59Y2-403.78; Yamaha Surius biển số 67G1-527.93; Honda Lead biển số 59L2-194.29; Honda SH biển số 59T1-716.29, số máy JF42E-1023373) với tổng số tiền là 166.500.000 đồng. Do ông Trần Xuân Đ1 chỉ có đơn trình bày nhưng không có tài liệu bổ sung kèm theo nên Hội đồng xét xử chỉ xem xét buộc bị cáo bồi thường cho ông Trần Xuân Đ1 theo như các tài liệu đã được Cơ quan điều tra thu thập hợp pháp.

Ông Lê Ngọc C có đơn yêu cầu bị cáo Nguyễn Ngọc D bồi thường 42.500.000 đồng là có căn cứ nên buộc bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường.

Theo khoản 5 Điều 323 và khoản 4 Điều 341 của Bộ luật Hình sự quy định hình phạt bổ sung là phạt tiền, xét các bị cáo có hoàn cảnh khó khăn nên không phạt tiền bổ sung đối với các bị cáo.

Những nhận định và phân tích nêu trên, là quan điểm của Hội đồng xét xử đối với nội dung bào chữa của các Luật sư và quan điểm của Kiểm sát viên.

[7] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 10 chiếc xe máy gồm: Honda Airblade, số máy: JF46E-0042537, số khung:

RLHJF460XDY-042491; Honda Airblade, số máy: JF46E-4119083, số khung: RLHJF4605DY-553560; Honda Airblade, số máy: JF46E-0091860, số khung: RLHJF4605DY405795; Honda Wave, số máy: JC52E4260739, số khung: RLHJC5211CY418085; Honda Vision, số máy: JF33E-0059249; số khung: RLHJF330XCX-059188; Honda Vision, số máy: JF33E-0154337, số khung: RLHJF3304CY-154295; Yamaha Surius, số máy: 1FC3112265, số khung: RLCS1FC30FY112251; Honda SH, số máy: JF14E-5010161-KTF E1, số khung: RLHJF2908AY101551; Honda Vision biển số: 66F1-345.49, số máy: JF58E0171908, số khung: RLHJF5802EY171782; Honda Airblade biển số: 70F1-241.26, số máy: JF46E-0086375, số khung: RLHJF4603DY078930, Cơ quan điều tra đã trả lại cho các chủ sở hữu hợp pháp nên không xem xét.

- Đối với chiếc xe Honda SH, số máy: JF42E-1023373, số khung: RLHJF4227FY023343, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã bàn giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương xử lý theo thẩm quyền nên không xem xét.

- Đối với 18 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô gồm:

1. “Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy” số 017700 mang tên “Nguyễn Văn Hải”, địa chỉ: “85/4 KP11 Tân Hòa BH ĐN”, biển số 60B7-16027;

2. “Giấy chứng nhận đăng ký chiếc xe mô tô, xe máy” số 134903 mang tên “Nguyễn Thị Ngọc Hà”, địa chỉ: “ấp Chánh Đức, Lập Hạ, Đức Hòa, LA”, biển số 62P1-366.45;

3. “Giấy chứng nhận đăng ký chiếc xe mô tô, xe máy” số 022178 mang tên “Lê Thị Ngọc Thảo”, địa chỉ: “408/AD 2, An Ngãi Trung, BT”, biển số: 71C2-221.15;

4. “Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy” số 017700 mang tên “Nguyễn Văn Sáng”, địa chỉ: “120 QL20, Tam Bồ, Di Linh, LĐ”, biển số: 49G1- 202.40;

5. “Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy” số 134903 mang tên “Nguyễn Đình Tư”, địa chỉ: “476 Nguyễn T Trục Vinh Lạc TPRG”, biển số: 68E1- 121.06;

6. “Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy” số 017700 mang tên “Nguyễn Ngọc Phụng”, địa chỉ: “55 Quang Trung P10 GV”, biển số: 59V1- 532.93;

7. “Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy” số 017700 mang tên “Trần Hoàng Thương”, địa chỉ: “977/41 HLỘ 2, P.BTĐÔNG A BTÂN”, biển số: 59X1-089.16.

8. “Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy” số 017700 mang tên “Nguyễn Ngọc Phụng”, địa chỉ: “Ấp 7 Tân Thạnh Đông, CC”, biển số: 59Y2- 403.78.

9. “Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy” số 134903 mang tên “Đinh Văn Đờ”, địa chỉ: “Ấp 4, An Phú, An Phú, An Giang”, biển số: 67G1-527.93;

10. “Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy” số 017700 mang tên “Cao Đức Minh”, địa chỉ: “214 Dương Quảng Hàm P4 GV”, biển số: 59VI-727.61;

11 “Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy” số 017700 mang tên “Ngô Thị Bằng”, địa chỉ: “21/2 KP2 TT.Hóc Môn HCM”, biển số: 59L2-194.29;

12. “Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy” số 13490 mang tên Võ Thị Trang”, địa chỉ: “Kp4 Phước Hưng Bà Rịa-VT”, biển số: 72D1-427.18;

13. “Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy” số 007092 mang tên Nguyễn Thị Phụng, biển số: 66F1-345.49;

14. “Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy” số 025439 mang tên Lê Văn Điệp, biển số: 70F1-241.26;

15. “Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy” số 001384 mang tên Võ Hoàng D4, biển số: 64E1-013.06;

16. “Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy” số 017700 mang tên Nguyễn Thị Thủy, địa chỉ: “738 Phạm Văn Thuận KP5 Tân Mai BH ĐN”, biển số 60C1-859.13;

17. “Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy” số 088195 mang tên Vũ Quang Phú, địa chỉ: 357/23K Ng Trọng Tuyển P1TB, biển số 59P2-928.36. Tại bản kết luận giám định số 1591/KLGD-TT ngày 05/3/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự CATP, kết luận: Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy này là thật;

18. “Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy” số 038013 mang tên Đỗ Văn Đăng, địa chỉ: 18 Ben Cát P7 Tân Bình, biển số 59P2-336.97.

Tại bản Kết luận giám định số 1591/KLGD-TT ngày 05/3/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh đã kết luận các Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy này là giả, xét đây là vật chứng của vụ án nên tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ;

- Đối với 14 biển số xe, gồm: Biển số: 60B7-160.27; biển số: 62P1-366.45; biển số: 71C2-221.15; biển số: 49G1-202.40; biển số: 68E1-121.06; biển số: 59V1-532.93; biển số: 59X1-089.16; biển số: 59Y2-403.78; biển số: 67G1-527.93; biển số: 59V1-727.61; biển số: 59L2-194.29; biển số: 59T1-716.29; biển số: 59P2-081.70; biển số: 59K1-666.17, xét đây là công cụ phạm tội, không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy;

- Đối với 06 xe gắn máy: Xe Honda Airblade, số máy: JF46E-2008007, số khung: RLHJF4617EY-602588; xe Honda Wave, số máy: JC43E-1461065, số khung: RLHJC4310AY-665099; xe Yamaha Exciter, số máy: 1S93-003197, số khung: 930BY-003197; xe Honda Lead, số máy: JF45E-0521756, số khung: RLHJF4518FY512644; xe Yamaha Surius biển số: 64E1-013.06; số máy: 5C63-500652; số khung: RLCS5C630BY-500595; xe Honda Wave biển số: 61Z1-5028, số máy: HC09E-6340407, số khung: RLHHC09066Y340244, qua xác minh không có trong hệ thống đăng ký của cơ quan chức năng, không xác định được chủ sở hữu nên tịch thu nộp ngân sách Nhà nước;

- Đối với: 01 Ipad màu đen trắng (model A1490, IC: 579C; serial: DLXLQ8PVFLMM); 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6, màu Gold (thực nhận 01 điện thoại Iphone, pin phù, model A1687, không kiểm tra được imei do không có nguồn điện); 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus, màu xám (Gray) (thực nhận 01 điện thoại Iphone màu xám (Gray), không kiểm tra được imei do không có nguồn điện, imei: 355876062052513), thu giữ của Bùi Vĩnh L1; xét đây là tài sản cá nhân, không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo Bùi Vĩnh L1.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 323; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm b khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc D 08 (tám) năm tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”;

Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc D 04 (bốn) năm tù về tội “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”;

Căn cứ Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của hai tội là 12 (mười hai) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 26/6/2020.

2. Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 323; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Bùi Vĩnh L1 04 (bốn) năm tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”;

Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Bùi Vĩnh L1 04 (bốn) năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

Căn cứ Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của hai tội là 08 (tám) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 07/9/2020.

3. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 323; điểm s khoản 1, khoản 2; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc L2 03 (ba) năm tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”;

Căn cứ khoản 1 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc L2 06 (sáu) tháng tù về tội “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”;

Căn cứ Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của hai tội là 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 20/01/2021.

4. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 323; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; xử phạt bị cáo Hoàng Anh V 01 (một) năm 11 (mười một) tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Thời hạn tù tính từ ngày 27/6/2020; bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù.

Căn cứ khoản 5 Điều 328 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Trả tự do cho bị cáo Hoàng Anh V ngay tại phiên tòa nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

5. Căn cứ Điều 47, Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án 18 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô giả, gồm:

1. “Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy” số 017700 mang tên “Nguyễn Văn Hải”, địa chỉ: “85/4 KP11 Tân Hòa BH ĐN”, biển số 60B7-16027;

2. “Giấy chứng nhận đăng ký chiếc xe mô tô, xe máy” số 134903 mang tên “Nguyễn Thị Ngọc Hà”, địa chỉ: “ấp Chánh Đức, Lập Hạ, Đức Hòa, LA”, biển số 62P1-366.45;

3. “Giấy chứng nhận đăng ký chiếc xe mô tô, xe máy” số 022178 mang tên “Lê Thị Ngọc Thảo”, địa chỉ: “408/AD 2, An Ngãi Trung, BT”, biển số: 71C2-221.15;

4. “Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy” số 017700 mang tên “Nguyễn Văn Sáng”, địa chỉ: “120 QL20, Tam Bốc, Di Linh, LD”, biển số: 49G1- 202.40;

5. “Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy” số 134903 mang tên “Nguyễn Đình Tu”, địa chỉ: “476 Nguyễn T Trục Vinh Lạc TPRG”, biển số: 68E1- 121.06;

6. “Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy” số 017700 mang tên “Nguyễn Ngọc Phượng”, địa chỉ: “55 Quang Trung P10 GV”, biển số: 59V1- 532.93;

7. “Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy” số 017700 mang tên “Trần Hoàng Thương”, địa chỉ: “977/41 HLỖ 2, P.BTĐÔNG A BTÂN”, biển số: 59X1-089.16.

8. “Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy” số 017700 mang tên “Nguyễn Ngọc Phượng”, địa chỉ: “Ấp 7 Tân Thạnh Đông, CC”, biển số: 59Y2- 403.78.

9. “Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy” số 134903 mang tên “Đinh Văn Dờ”, địa chỉ: “Ấp 4, An Phú, An Phú, An Giang”, biển số: 67G1-527.93;

10. “Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy” số 017700 mang tên “Cao Đức Minh”, địa chỉ: “214 Dương Quảng Hàm P4 GV”, biển số: 59VI-727.61;

11 “Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy” số 017700 mang tên “Ngô Thị Bằng”, địa chỉ: “21/2 KP2 TT.Hóc Môn HCM”, biển số: 59L2-194.29;

12. “Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy” số 13490 mang tên Võ Thị Trang”, địa chỉ: “Kp4 Phước Hưng Bà Rịa-VT”, biển số: 72D1-427.18;

13. “Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy” số 007092 mang tên Nguyễn Thị Phụng, biển số: 66F1-345.49;

14. “Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy” số 025439 mang tên Lê Văn Điệp, biển số: 70F1-241.26;

15. “Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy” số 001384 mang tên Võ Hoàng D4, biển số: 64E1-013.06;

16. “Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy” số 017700 mang tên Nguyễn Thị Thủy, địa chỉ: “738 Phạm Văn Thuận KP5 Tân Mai BH ĐN”, biển số 60C1-859.13;

17. “Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy” số 088195 mang tên Vũ Quang Phú, địa chỉ: 357/23K Ng Trọng Tuyển P1TB, biển số 59P2-928.36. Tại bản kết luận giám định số 1591/KLGD-TT ngày 05/3/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự CATP, kết luận: Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy này là thật;

18. “Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy” số 038013 mang tên Đỗ Văn Đăng, địa chỉ: 18 Ben Cát P7 Tân Bình, biển số 59P2-336.97. Tại bản kết luận giám định số 1591/KLGD-TT ngày 05/3/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự CATP, kết luận: Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy này là giả;

- Tịch thu tiêu hủy 14 biển số xe, gồm: Biển số: 60B7-160.27; biển số: 62P1-366.45; biển số: 71C2-221.15; biển số: 49G1-202.40; biển số: 68E1-121.06; biển số: 59V1-532.93; biển số: 59X1-089.16; biển số: 59Y2-403.78; biển số: 67G1-527.93; biển số: 59V1-727.61; biển số: 59L2-194.29; biển số: 59T1-716.29; biển số: 59P2-081.70; biển số: 59K1-666.17;

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 06 chiếc xe gồm: Xe Honda Airblade, số máy: JF46E-2008007, số khung: RLHJF4617EY-602588; xe Honda Wave, số máy: JC43E-1461065, số khung: RLHJC4310AY-665099; xe Yamaha Exciter, số máy: 1S93-003197, số khung: 930BY-003197; xe Honda Lead, số máy: JF45E-0521756, số khung: RLHJF4518FY512644; xe Yamaha Surius biển số: 64E1-013.06; số máy: 5C63-500652; số khung: RLCS5C630BY-500595; xe Honda Wave biển số: 61Z1-5028, số máy: HC09E-6340407, số khung: RLHHC09066Y340244;

- Trả lại cho bị cáo Bùi Vĩnh L1: 01 Ipad màu đen trắng (model A1490, IC: 579C; serial: DLXLQ8PVFLMM); 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6, màu Gold (thực nhận 01 điện thoại Iphone, pin phù, model A1687, không kiểm tra được imei do không có nguồn điện); 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus, màu xám (Gray) (thực nhận 01 điện thoại Iphone màu xám (Gray), không kiểm tra được imei do không có nguồn điện, imei: 355876062052513);

(Theo Biên bản giao nhận tang tài vật số NK2022/115 ngày 04/11/2021 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.)

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền thu lợi bất chính 3.100.000 đồng (ba triệu một trăm nghìn đồng) của bị cáo Nguyễn Ngọc L2;

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Ngọc L2 số tiền 1.400.000 đồng (một triệu bốn trăm nghìn đồng);

(Theo Biên lai thu tiền số 0094848 ngày 07/7/2021 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.)

- Buộc các bị cáo Bùi Vĩnh L1, Hoàng Anh V phải nộp lại số tiền thu lợi bất chính để tịch thu nộp ngân sách Nhà nước, cụ thể: Bùi Vĩnh L1 nộp 14.000.000 (mười bốn triệu) đồng; Hoàng Anh V nộp 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng;

Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 584, 585, 589 của Bộ luật Dân sự;

- Buộc bị cáo Nguyễn Ngọc D phải bồi thường cho ông Trần Xuân Đ1 số tiền 166.500.000 (một trăm sáu mươi sáu triệu năm trăm nghìn) đồng và bồi thường cho ông Lê Ngọc C số tiền 42.500.000 (bốn mươi hai triệu năm trăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm;

Bị cáo Nguyễn Ngọc D phải chịu 10.450.000 (mười triệu bốn trăm năm mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Các bị cáo có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- |                                |      |
|--------------------------------|------|
| - TAND tối cao;                | (1)  |
| - TAND cấp cao tại TP.HCM;     | (1)  |
| - VKSND TP.HCM;                | (3)  |
| - Phòng PV06 - Công an TP.HCM; | (1)  |
| - Bị cáo;                      | (4)  |
| - Trại giam;                   | (1)  |
| - Đương sự                     | (6)  |
| - Cục THA Dân sự TP.HCM;       | (1)  |
| - THA Hình sự;                 | (1)  |
| - UBND nơi bị cáo cư trú;      | (4)  |
| - Sở Tư pháp TP.HCM;           | (1)  |
| - Lưu, Tòa Hình sự, hồ sơ      | (36) |
|                                | (12) |

**Trần Minh Châu**